

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

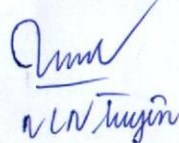
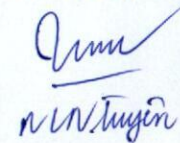
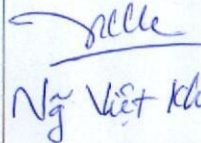
Môn học: **Thực tập thi công, lắp đặt hệ thống tự động hóa (228339) - Nhóm 01**

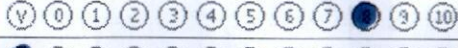
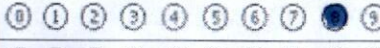
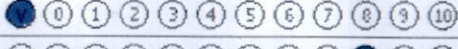
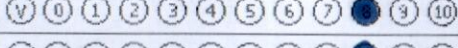
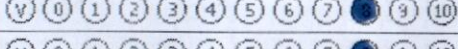
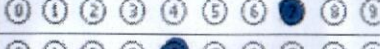
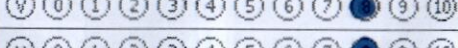
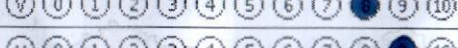
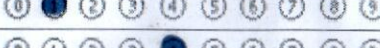
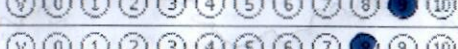
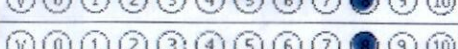
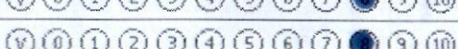
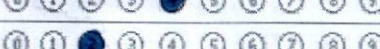
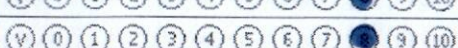
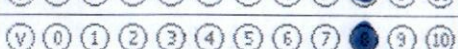
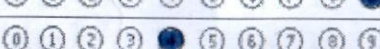
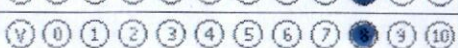
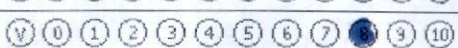
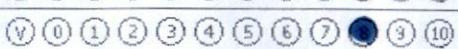
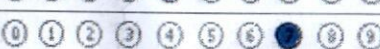
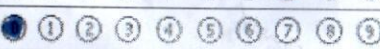
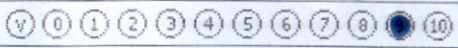
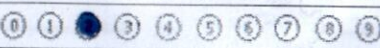
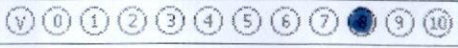
CBGD: **Nguyễn Lê Nhựt Tuyên (280036)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 n/n Tuyên	 Ng Việt Khoa	 n/n Tuyên	 Ng Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	ÂN	24/07/2003	CCQ2115A			8,3	8,0	8,1		
2	2121150012	BÙI LONG	BẠCH	16/11/2003	CCQ2115A			8,5	9,0	8,8		
3	2121150059	BÙI NGỌC	BẢO	08/07/2003	CCQ2115B							
4	2121150029	TRƯƠNG CÔNG	DIÊN	02/12/2002	CCQ2115A			8,3	8,5	8,4		
5	2121150051	LÊ KHÁNH	DUY	14/11/2003	CCQ2115B			9,0	8,5	8,7		
6	2121150004	NGÔ VĂN	HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A			8,5	8,3	8,4		
7	2121150001	MẠC DUY	HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A			8,3	8,0	8,1		
8	2121150009	ĐÀO DUY	HUY	28/03/2003	CCQ2115A			9,5	9,3	9,4		
9	2121150035	NGUYỄN QUỐC	HUY	28/02/2003	CCQ2115A			8,3	8,5	8,4		
10	2121150002	VÕ NHẬT	HUY	11/10/2003	CCQ2115A			8,5	8,3	8,4		
11	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC	HƯỚNG	13/12/2003	CCQ2115A			8,0	8,3	8,2		
12	2121150036	PHẠM ĐĂNG	KHOA	22/07/2003	CCQ2115B			8,8	9,0	8,9		
13	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH	LINH	09/07/2003	CCQ2115A			8,3	8,5	8,4		
14	2121150026	TRẦN BẢO	LỢI	03/02/1996	CCQ2115A			8,0	8,0	8,0		
15	2121150005	HOÀNG THỊ THU	MAI	13/04/2003	CCQ2115A			8,5	8,3	8,4		
16	2121150022	NGUYỄN THÀNH	PHONG	19/11/2003	CCQ2115A			8,3	9,0	8,7		
17	2121150038	VÕ CHIẾN	THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B			8,3	9,0	8,7		
18	2121150064	NGUYỄN ĐÌNH	TÚ	09/09/2002	CCQ2115B			8,0	8,0	8,0		
19	2121150010	NGUYỄN QUỐC	VĂN	01/12/2003	CCQ2115A			9,0	9,3	9,2		
20	2121150015	TRẦN XUÂN	VŨ	27/08/2003	CCQ2115A			8,3	9,0	8,7		